TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ

Lào Cai, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" và

"Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân"

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Thư ký phiên họp: Bà Cao Hải Lanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên họp: Ông Nông Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Lào Cai. Mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và Công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện: Bà Lù Thị S – sinh năm 1985; chức vụ: Chủ Tịch

Địa chỉ: thôn Phố Mới 1, xã T, tỉnh Lào Cai.

(vắng mặt tại phiên họp và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lò A - sinh ngày 30/12/1982

Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

+ Chị Gì Thị D - sinh ngày 25/6/1992

Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 30/9/2025 và bản tự khai của người đại diện theo pháp luật Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T bà Lù Thị S trình bày: Ngày 29/01/2007 Ủy ban nhân dân xã M, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là xã T, tỉnh Lào Cai đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Lò A và chị Gì Thị D theo giấy Chứng nhận kết hôn số 05/2007 ngày 29/01/2007. Trong quá trình xác minh để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Lò A và chị Gì Thị D, Uỷ ban nhân dân xã M không phát hiện được tại thời điểm đăng ký kết hôn

chị Gì Thị D sinh ngày 25/06/1992. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do có sự nhầm lẫn nên chị Gì Thị D khai sai ngày, tháng, năm sinh. Chị Gì Thị D khai sinh ngày 01/12/1988 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn thì đảm bảo độ tuổi theo quy định. Tuy nhiên trên thực tế căn cứ vào giấy tờ tùy thân của chị Gì Thị D như Giấy khai sinh, căn cước công dân, xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an xã T, tỉnh Lào Cai thì chị Gì Thị D đều sinh ngày 25/6/1992 thì lúc đăng ký kết hôn chị Gì Thị D mới được 14 tuổi 07 tháng 04 ngày. Do đó, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Gì Thị D chưa đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000. Ngoài ra chị Gì Thị D không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy người đại diện theo pháp luật Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T bà Lù Thị S đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò A và chị Gì Thị D theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2007 được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Bát Xát (cũ) cấp ngày 29/01/2007 theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân và bản tự khai của anh Lò A và chị Gì Thị D đều trình bày: Từ thời điểm đăng ký kết hôn năm 2007 cho đến nay anh Lò A và chị Gì Thị D vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 04 người con chung, anh Lò A và chị Gì Thị D khẳng định mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên anh, chị không yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật theo đề nghị Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, tỉnh Lào Cai. Ngày 17/10/2025 anh Lò A và chị Gì Thị D có đơn đề nghị Tòa án xem xét công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh Lò A và anh Gì Thị D đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để làm căn cứ cho cơ quan đăng ký hộ tịch cải chính thông tin cá nhân đối với anh Lò A theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến phiên họp hôm nay: Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật, người yêu cầu chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 367; điểm h Khoản 1 Điều 369; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, Điều 10, khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị giải quyết theo hướng:

Không chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò A và chị Gì Thị D theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, tỉnh Lào Cai. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lò A và chị Gì Thị D kể từ ngày chị Gì Thị D đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Về yêu cầu "Hủy việc kết hôn trái pháp luật" của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, tỉnh Lào Cai và " Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân" của anh Lò A và chị Gì Thị D đều đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật. Đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai theo quy định tại Điều 29, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp, người yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, người đại diện bà Lù Thị S chức vụ chủ tịch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò A, chị Gì Thị D đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên họp, căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu và Công nhận quan hệ hôn nhân của người liên quan: Kèm theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, người yêu cầu đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Theo trích lục kết hôn số 388/2025/TLKH -BS, ngày 03/9/2025 (Giấy chứng nhận số 05/2007 ngày 29/01/2007) của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là xã T, tỉnh Lào Cai có ghi chị Gì Thị D sinh ngày 01/12/ 1988. Tuy nhiên, người yêu cầu cung cấp các tài liệu, chứng cứ đối với chị Dì Thị De gồm: Bản sao Giấy khai sinh và bản sao Căn cước công dân, xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an xã T của chị Gì Thị D đều thể hiện chị Dì Thị De, sinh ngày 25/6/1992. Do đó tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Gì Thị D đã vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khi kết hôn chị Gì Thị D mới được 14 tuổi 07 tháng 04 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định thì " Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên". Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Lò A và chị Gì Thị D là trái pháp luật.

Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì anh Lò A và chị Gì Thị D đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Anh Lò A và chị Gì Thị D vẫn đang chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau 04 người con chung. Anh Lò A và chị Gì Thị D đều có yêu cầu đề nghị

Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh Lò A và chị Gì Thị D đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này".

Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn" chị Gì Thị D sinh ngày 25/6/1992 đến ngày 25/6/2010 đủ 18 tuổi. Vì vậy Tòa án không chấp nhận đơn yêu cầu hủy hôn của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, tỉnh Lào Cai và Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lò A và chị Gì Thị D kể từ ngày 25/6/2010 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367; điểm h Khoản 1 Điều 369; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên bố:

1. Không chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, tỉnh Lào Cai về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò A và chị Gì Thị D theo giấy chứng nhận kết hôn số: 05/2007 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là xã T, tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/01/2007.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lò A và chị Gì Thị D. Quan hệ hôn nhân giữa anh Lò A và chị Gì Thị D được xác lập kể từ ngày 25/6/2010.

3.Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã T, tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
-VKSND khu vực 7- LC (2)
- Người yêu cầu (1) ;
- Người liên quan(2)
- PhòngTHADSKV 7 -LC;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ VDS, VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Thanh Hương